

Bản án số: 57/2020/HS-ST
Ngày: 11/11/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Huy

2. Ông Nguyễn Văn Xô

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Nền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2020; Tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2020/TLST - HS ngày 01 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST ngày 15/10/2020 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh năm 1995, Nơi cư trú: thôn Đ, xã D, thị xã B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Thế(đã chết) và bà Phạm Thị Nhâm, sinh năm 1974. tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Tại bản án số 73/2020/HSST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Q xử phạt Phạm Văn T 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Q trong một vụ án khác. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

+ Anh Thân Văn Q1, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Khu DC Q2, phường T2, thị xã K, tỉnh H(đã chết).

Đại diện hợp pháp của người bị hại Thân Văn Q1.

1. Ông Thân Văn T1, sinh năm 1950. Có mặt

2. Bà Vũ Thị M, sinh năm 1953. Vắng mặt

Đều cư trú: Khu DC Q2, phường T2, thị xã K, tỉnh H.

Những người đại diện hợp pháp của người bị hại ông T1, bà M ủy quyền cho anh Thân Trọng T3, sinh năm 1984, địa chỉ: Khu DC Q2, phường T2, thị xã K, tỉnh H

được thay mặt giải quyết vụ án ở các giai đoạn tố tụng. Có mặt tại phiên tòa

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Tiến H1, sinh năm 1988. Vắng mặt

Địa chỉ: số 306 Nguyễn B1, khu phố 3, phường B, thị xã B, tỉnh Q.

2. Anh Phạm Văn Q3, sinh năm 1990. Vắng mặt

Địa chỉ: thôn Đ, xã D, thị xã B, tỉnh Q.

- Người làm chứng:

1. Chị Trần Thị N, sinh năm 1983. Vắng mặt

Địa chỉ: KDC N1, phường T2, thị xã K, tỉnh H;

2. Chị Hà Lan A, sinh năm 1977. Vắng mặt

Địa chỉ: KDC C, phường Hiệp Sơn, thị xã K, tỉnh H;

3. Anh Thân Văn T4, sinh năm 1956. Vắng mặt

Địa chỉ: Q2, phường T2, thị xã K, tỉnh H;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 17/11/2019, Phạm Văn T (có giấy phép lái xe hạng A1 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang cấp ngày 15/01/2015) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS màu cam đen, biển số 14Z1-370.72 của anh Phạm Văn Q3, sinh năm 1991, trú tại: thôn Đ, xã D, thị xã B, tỉnh Q chở anh Q3 hành trình trên đường Tỉnh lộ 389 theo hướng Bến Triều – Quốc lộ 17B, khi đi đến Km 17 tỉnh lộ 389 thuộc địa phận khu dân cư KDC N1, phường T2, thị xã K, tỉnh H, đây là đoạn đường thẳng hai chiều, mặt đường được trải nhựa phẳng rộng 5,5m, có vạch sơn màu vàng đứt đoạn ở giữa để phân chia chiều đường Bến Triều – Quốc lộ 17B và ngược lại. Tính theo chiều Bến Triều – Quốc lộ 17B, tiếp giáp mép đường hai bên trái, phải là bờ cỏ rộng 80cm có trồng cây xanh, phía bên phải đường có lối mở đi vào khu dân cư KDC N1 rộng 7,2m. Lấy cột Km 17 TL389 làm điểm mốc, lấy mép đường phải theo hướng Phà Triều đi QL 17B là mép đường chuẩn. Lúc này trời nắng, mặt đường khô ráo, T điều khiển xe chở anh Q3 với tốc độ khoảng 40 đến 50km/h và đi bên phải đường theo chiều đi của T. Khi cách lối mở khoảng 30m, T thấy có 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại AIRBLADE biển số 34B3-042.47 do anh Thân Văn Q1 – sinh năm 1987, trú tại: Q2, phường T2, thị xã K, tỉnh H điều khiển xe đi từ đường nội đồng khu dân cư KDC N1 ra đường tỉnh lộ 389, T cho xe giảm tốc độ. Khi T đi cách lối mở khoảng 10 mét, thấy xe mô tô của anh Q1 dừng lại ở giữa chiều đường xe T đang đi (bánh xe trước của anh Q1 sát vạch sơn màu vàng đứt đoạn ở giữa hai chiều đường) T đã phanh tạo vết mài mòn cao su trên mặt đường dài 8,2m, đầu vết cách mép đường phải 1,9m, cuối vết cách mép đường phải 1,67m, 02 xe va chạm tại vị trí cuối vết phanh. Phần đầu xe phía trước bên trái, bánh trước, cánh yếm phía trước bên trái xe mô tô do T điều khiển đã đâm vào bên trái xe gồm vành xe bánh trước, mặt nạ,

cánh yểm trái đến đuôi xe bên trái xe mô tô do anh Thân Văn Q1 điều khiển. Sau khi va chạm, 02 xe bị đổ nghiêng phải rẽ xuống mặt đường ở giữa hai chiều đường và chiều đường thuộc phần đường Bến Triều – Quốc lộ 17B; anh Thân Văn Q1, anh Phạm Văn Q3, T bị ngã ra đường. Hậu quả: Anh Thân Văn Q1 bị ngã ra đường sau đó được người dân đưa đến bệnh viện đa khoa thị xã K cấp cứu, sau đó được chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh H, đến 02 giờ 18 phút ngày 18/11/2019 anh Thân Văn Q1 chết. Phạm Văn T bị ngã đập mặt xuống đường làm gãy khung tiếp xương gò má trái và thành trước xương hàm trái, Gãy răng R 21, 22, 31, 32. Xe mô tô 34B3-042.47 do anh Thân Văn Q1 điều khiển và xe mô tô BKS BKS 14Z1-370.72 Phạm Văn T điều khiển bị hư hỏng. Anh Phạm Văn Q3 bị xây xước nhẹ, không phải đi điều trị tại cơ sở y tế nào.

Tại biên bản khám nghiệm tử thi và Kết luận giám định pháp y số 291 ngày 25/11/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh H kết luận: anh Thân Văn Q1 bị chết do đa chấn thương, tổn thương phần mềm rải rác vùng đầu mặt và toàn thân, gãy nhiều xương sườn và đốt sống cổ VII, vỡ xương vòm sọ.

Tại bản kết luận định giá số 43 ngày 27/03/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã K kết luận: Xe mô tô biển số 14Z1-370.72 bị hư hỏng, thiệt hại 1.300.500 đồng. Xe mô tô biển số 34B3-042.47 bị hư hỏng, thiệt hại 2.016.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị thiệt hại là 3.316.500 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chưa bồi thường gì cho gia đình nạn nhân. Anh Thân Trọng T3 là người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu bị cáo Phạm Văn T phải bồi thường các chi phí và tổn thất theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng: Các phương tiện liên quan đến tai nạn gồm: Xe mô tô 34B3-042.47, quá trình điều tra xác định xe mô tô biển số 34B3-042.47 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh Thân Văn Q1. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho gia đình anh Thân Văn Q1 quản lý, sử dụng. Đối với chiếc xe mô tô biển số 14Z1-370.72 ngày 19/11/2019 đăng ký xe mang tên anh Phạm Văn Q3, sau tai nạn Phạm Văn Q3 đã bán chiếc xe trên cho anh Nguyễn Tiến H1, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã quản lý chiếc xe mô tô và giấy đăng ký xe mang tên Phạm Văn Q3, chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, bị cáo Phạm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 49/CT – VKS ngày 09/09/2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã K đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo Phạm Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện hoàn cảnh của bị cáo để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện VKSND thị xã K giữ nguyên Quyết định truy tố; nêu những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; xem xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị:

- *Tuyên bố*: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

- *Đề nghị áp dụng*: khoản 1 Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 589, 591, 357, 468 của Bộ luật dân sự; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- *Đề nghị xử phạt*: Phạm Văn T từ 12 đến 15 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 15 (mười lăm) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2020/HS-ST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Q. Buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án từ 27 đến 30 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 22/6/2020.

- *Về trách nhiệm dân sự*: Chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo T và người đại diện theo Ủy quyền của người đại diện hợp pháp của người bị hại về mức bồi thường gồm: Chi phí cứu chữa, tiền viện phí, chi phí mai táng, tiền tổn thất về tinh thần, thiệt hại về tài sản(xe mô tô bị hư hỏng),... Tổng số tiền là 40.000.000đồng.

- *Về xử lý vật chứng*: Trả lại cho anh Nguyễn Tiến H1, sinh năm 1988, Địa chỉ: số 306 Nguyễn B1, khu phố 3, phường B, thị xã B, tỉnh Q chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu cam đen, BKS 14Z1 – 370.72, số khung 320JY142846, số máy E3X9E393595 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Phạm Văn Q3.

- *Án phí*: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng*: Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an thị xã K; Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận vào khoảng 13 giờ 00 ngày 17/11/2019 bị cáo điều khiển xe mô tô 14Z1-370.72, sau xe chở anh Phạm Văn Q3, sinh năm 1991, trú tại Đ, xã D, thị xã B, tỉnh H hành trình trên đường tỉnh lộ 389 theo hướng Bến Triều – Quốc lộ 17B, khi đi đến Km17 quan sát thấy phía trước là ngã tư bên phải(theo chiều đi) là lối mở đi vào đường nội đồng, bên trái (theo chiều đi) là lối mở đi ra đê T2. T khi điều khiển xe cách ngã tư vào khoảng 30m thì phát hiện thấy anh Thân Văn Q1 điều khiển xe mô tô đi từ đường nội đồng hướng ra đường tỉnh lộ 389, T điều khiển xe cách lối mở khoảng 10m thấy xe anh Q1 dừng lại ở giữa đường tỉnh lộ 389, T giảm ga và đạp phanh, song do khoảng cách gần dẫn đến tai nạn xảy ra. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp nội dung cáo trạng đã truy tố; phù hợp dấu vết ghi nhận tại biên bản khám nghiệm hiện trường, dấu vết trên phương tiện xe tai nạn và kết luận giám định pháp y cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 17/11/2019, Phạm Văn T có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS màu cam đen, biển số 14Z1-370.72, hành trình trên đường tỉnh lộ 389 theo hướng Bến Triều – Quốc lộ 17B, khi đi đến Km17 phát hiện phía trước theo chiều đi có một ngã tư bên phải(theo chiều đi) là lối mở đi vào đường nội đồng, bên trái (theo chiều đi) là lối mở đi ra đê T2. Do không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn dẫn đến phần đầu xe phía trước bên trái, bánh trước, cánh yếm phía trước bên trái xe mô tô do T điều khiển đã đâm vào vành xe bánh trước bên trái, mặt nạ, cánh yếm trái đến đuôi xe bên trái xe mô tô biển số 34B3-042.47 do anh Thân Văn Q1 điều khiển đi từ đường nội đồng khu dân cư KDC N1 ra Tỉnh lộ 389 (đã đi ra gần đến giữa đường tỉnh lộ 389). Hậu quả: anh Thân Văn Q1 bị chết; xe mô tô 34B3-042.47 của anh Thân Văn Q1 và xe mô tô BKS 14Z1-370.72 của anh Phạm Văn Q3 bị hư hỏng. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 3.316.500 đồng.

[3]. Tại công văn 175/CTCPCĐB-KH.KT.QLCĐ ngày 06/5/2020 của Công ty cổ phần đường bộ Hải Dương trả lời công văn số 246/CV-CSĐT ngày 23/4/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã K về cung cấp thông tin về đường bộ đã xác định: Đường tỉnh 389 là đường hai chiều; Đoạn Km17(đường tỉnh 389) theo hướng Bến Triều về phía thị xã K, phía bên phải là lối mở đi vào đường nội đồng, bên trái là lối mở đi ra đê T2 là đường đất...Vị trí này là ngã tư giao nhau với đường cùng mức(đường tỉnh 389 là đường ưu tiên).

[4]. Nguyên nhân dẫn đến tai nạn: Trong vụ án này bị cáo T là người điều khiển xe cơ giới đã không chấp hành đúng các quy tắc khi tham gia giao thông, khi đi đến ngã tư giao nhau với đường cùng mức bị cáo đã không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn nên đã dễ xảy ra va chạm với xe mô tô do anh Thân Văn Q1 điều khiển; Đối với anh Thân Văn Q1 là người điều khiển xe mô tô biển số 34B3-042.47 từ đường nội Đồng khu dân cư KDC N1(đường không ưu tiên) ra đường tỉnh

389(đường ưu tiên) đã không tuân thủ quy tắc khi tham gia giao thông, không chú ý quan sát, không dừng lại nhường đường cho xe đi trên làn đường ưu tiên đi đến dẫn đến tai nạn xảy ra vi phạm khoản 3 Điều 24 Luật giao thông đường bộ. Nguyên nhân dẫn đến tai nạn là lỗi hỗn hợp của cả bị cáo và người bị hại Thân Văn Q1. Hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ, khoản 3 Điều 5 thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới... đã trực tiếp xâm hại đến tính mạng và tài sản của người khác, hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra làm một người chết và gây thiệt hại về tài sản cho người khác tổng giá trị là 3.316.500 đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã K truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người đúng tội và đúng pháp luật. Đối với anh Thân Văn Q1 là người cũng có lỗi dẫn đến tai nạn xảy ra, song do anh Q1 đã chết nên không đặt ra việc xem xét, xử lý đối với anh Q1, tuy nhiên đây là yếu tố cần xem xét để giảm hình phạt và cũng như việc áp dụng hình phạt đối với bị cáo T trong vụ án.

[5] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự nào.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Mặt khác, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của người bị hại là anh Thân Trọng T3 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Tuy bị cáo chưa có tiền án tiền sự, song trong quá trình điều tra vụ án, bị cáo lại có hành vi phạm pháp luật, hành vi phạm pháp luật của bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Q kết án và xử phạt 15 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo bản án số 73/2020/HSST ngày 18/9/2020, bản án đã có hiệu lực pháp luật. Do vậy, cần thiết xử bị cáo với hình phạt tù để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội đồng thời tổng hợp hình phạt của bản án bị cáo đang phải chấp hành, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

[5] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015 bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm một công việc nhất định. Xét thấy trong vụ án này bị

cáo là điều khiển xe mô tô, không đảm nhiệm chức vụ, hành nghề gì nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] *Trách nhiệm dân sự:* Tại phiên tòa bị cáo và người đại diện theo Ủy quyền của người đại diện hợp pháp của người bị hại đã thống nhất thỏa thuận mức bồi thường gồm: chi phí cho việc cứu chữa, tiền viện phí, chi phí mai táng, tiền tổn thất về tinh thần, thiệt hại về tài sản(xe mô tô bị hư hỏng),...Tổng số tiền là 40.000.000đồng. Xét thấy việc thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận về mức bồi thường giữa các bên, buộc bị cáo Phạm Văn T phải bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền 40.000.000đồng.

Đối với anh Phạm Văn Q3 là người ngồi sau xe của bị cáo T, quá trình điều tra xác định anh Q3 bị xây xước nhẹ, không phải đi điều trị ở bệnh viện nào. Anh Phạm Văn Q3 không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường gì về sức khỏe. Đối với chiếc xe mô tô BKS 14Z1-370.72 bị cáo T liên quan đến vụ tai nạn có bị hư hỏng song chiếc xe đã được Quân bán cho anh Nguyễn Tiến H1, xe bị thiệt hại không lớn nên anh không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường gì nên không đặt ra giải quyết trong vụ án.

[7] *Xử lý vật chứng:*

- Đối với các phương tiện liên quan đến tai nạn: Xe mô tô 34B3-042.47 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của người bị hại Thân Văn Q1. Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã K đã trả lại chiếc xe trên cho gia đình nạn nhân Thân Văn Q1, thiệt hại về xe đã được thỏa thuận bồi thường tại phân trách nhiệm dân sự nên không đặt ra việc xử lý là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 14Z1-370.72, đăng ký xe mang tên anh Phạm Văn Q3. Quá trình điều tra anh Phạm Văn Q3 xác định chiếc xe mô tô BKS 14Z1-370.72 đã được anh bán cho anh Nguyễn Tiến H1, sinh năm 1988, Địa chỉ: số 306 Nguyễn B1, khu phố 3, phường B, thị xã B, tỉnh Q, anh H1 đã trả hết tiền mua và là chủ sở hữu đối với chiếc xe, đến nay anh không còn có quyền lợi liên quan gì và đề nghị cơ quan chức năng làm việc với anh H1. Trên cơ sở tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời khai của anh H1, lời khai của anh Phạm Văn Q3 xác định chiếc xe mô tô nêu trên đã được anh Phạm Văn Q3 bán cho anh Nguyễn Tiến H1, anh H1 đã trả hết tiền mua nên xác định chiếc xe BKS 14Z1-370.72 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Nguyễn Tiến H1. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh H1 có quan điểm xin lại chiếc xe, do vậy cần thiết trả lại chiếc xe mô tô BKS 14Z1-370.72 cùng giấy tờ xe cho anh Nguyễn Tiến H1 quản lý sử dụng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ:* điểm a khoản 1 Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

- *Căn cứ:* Điều 584, 585, 589, 591, 357, 468 của Bộ luật dân sự;

- *Căn cứ:* điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- *Căn cứ:* Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- *Tuyên bố:* Bị cáo Phạm Văn T phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

- *Về hình phạt chính:* Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 14 (*mười bốn*) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 15 (*mười lăm*) tháng tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2020/HS-ST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Q. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 29 (*hai mươi chín*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 22/6/2020.

- *Tránh nhiệm dân sự:* Chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo T và người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của người bị hại về mức bồi thường gồm: Chi phí cứu chữa, tiền viện phí, chi phí mai táng, tiền tổn thất về tinh thần, thiệt hại về tài sản (xe mô tô bị hư hỏng),... Tổng số tiền là 40.000.000 đồng. Buộc bị cáo Phạm Văn T phải bồi thường cho những người đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Thân Văn T1 và bà Vũ Thị M tổng số tiền 40.000.000 đồng.

- *Về xử lý vật chứng:* Trả lại cho anh Nguyễn Tiến H1, sinh năm 1988, Địa chỉ: số 306 Nguyễn B1, khu phố 3, phường B, thị xã B, tỉnh Q chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu cam đen, BKS 14Z1 – 370.72, số khung 320JY142846, số máy E3X9E393595 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 03970 mang tên Phạm Văn Q3 (Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 039703 mang tên Phạm Văn Q3 được giao kèm theo bản án).

(*Số lượng, đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/9/2020 giữa Công an thị xã K và Chi cục thi hành án dân sự thị xã K*).

Kể từ thời điểm người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo không thi hành số tiền phải bồi thường thì bị cáo còn phải chịu lãi suất chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất do chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

- *Án phí:* Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. *Quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, có mặt người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của người bị hại; vắng mặt những người có quyền lợi liên quan. Đã báo cho bị cáo, người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của người bị hại biết được quyền kháng cáo bản án trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nơi nhận:

- VKSND thị xã K;
- Cơ quan điều tra CA thị xã K;
- THA hình sự công an thị xã K;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Q;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh HD;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Sở Tư pháp tỉnh H;
- Bị cáo;
- Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp của người bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- Lưu hồ sơ;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Khánh